

Bản án số: 426/2026/HS-ST
Ngày: 08/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Ngọc

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và Đ cầu thành phần tại Phân trại tạm giam T4 - Trại giam số 01 Công an tỉnh Đ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 384/2026/HSST ngày 10/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2026/QĐXXST-HS ngày 25/6/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn P.** Giới tính: Nam

Tên gọi khác: **Trương Quang P1.**

Sinh năm 1984. Tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: **Tổ D, khu phố C, phường L, thành phố Đ.**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Trình độ học vấn: 0/12 - Nghề nghiệp: Công Nhân.

Họ tên cha: Không rõ.

Họ tên mẹ: **Trương Thị C**, sinh năm: Không xác định (đã chết).

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 17 tháng 11 năm 2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01/3/2026, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1232/LTG-VPCQCSĐT ngày 09/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ). Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đ.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 2004;

Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A khu phố D, phường T, thành phố Đ.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ B khu phố E, phường T, thành phố Đ.

2. Công ty TNHH D1

Địa chỉ: D, khu phố F, phường L, TP. (địa chỉ cũ 418, tổ A, khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai)

3. Bà Nguyễn Thị Thu P2, sinh năm 2004

Địa chỉ: Hẻm A, Tổ B, khu phố E, phường T, thành phố Đ.

(bị cáo có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn P là người đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện là công nhân thu gom rác thải sinh hoạt của Trường Đại học C4 tại địa chỉ tổ A, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ). Quá trình lấy rác thải, P thấy nhiều sinh viên gửi xe mô tô tại bãi giữ xe của trường học và hiện vẫn đang còn nghỉ Tết, do không có tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. Thực hiện ý định trên, khoảng 22 giờ ngày 23/02/2026, P đi theo xe rác vào bên trong khuôn viên Trường Đại học C4, lợi dụng không ai để ý, P đã đi bộ xuống khu vực nhà xe, đi đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu VIET THAI, loại xe VT SIRUS, màu đỏ đen, biển số 78AE-048.07 của anh Nguyễn Thành L ngụ tại thôn S, xã H, tỉnh Đắk Lắk (là sinh viên của trường), tháo nguồn điện ở dưới phần cổ xe rồi P dắt bộ xe mô tô trên tới vị trí bậc cấp dẫn của nhà xe và khởi động xe nhưng xe không nổ máy. Lúc này nghe thấy tiếng xe rác đang chạy vào khu vực gần nhà xe nên P dựng xe mô tô trên ngay vị trí bậc cấp dẫn và đi đến xe rác, thu gom rác như bình thường. Đến khoảng 22 giờ ngày 26/02/2026, P tiếp tục đến khuôn viên Trường Đại học C4 để thu gom rác thải. Sau đó, P quay lại vị trí xe mô tô nhãn hiệu VIET THAI, loại xe VT SIRUS, màu đỏ đen, biển số 78AE-048.07 dùng chân đạp cần khởi động thì xe nổ máy rồi P điều khiển xe ra đến cổng thì bị ông Đỗ Xuân T ngụ tại tổ B, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) (là nhân viên bảo vệ của trường) yêu cầu P xuống xe và xuất trình giấy tờ. Lúc này biết bị phát hiện nên P để lại xe mô tô trên ở cổng trường rồi bỏ chạy bộ về hướng ngã ba Phú Thọ. Sự việc xảy ra, ông T đến Công an phường T trình báo. Công an phường T lập hồ sơ để điều tra, xử lý. Đến ngày 28/02/2026, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật P đến Công an phường T đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 240/CT/VKS-BH ngày 09/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trương Văn Phụng về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173; Điều 15 Bộ luật Hình

sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Trương Văn P**

Tình tiết tăng nặng: Tái phạm (quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên phạt bị cáo **Trương Văn P** mức án tù: 08 tháng đến 10 tháng tù giam.

Bị cáo tự bào chữa: bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an Thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 22 giờ ngày 26/02/2026, tại **Trường Đại học C4 địa chỉ tổ A, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ)**, **Trương Văn P** đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu VIET THAI, loại xe VT SIRUS, màu đỏ đen, biển số 78AE-048.07 trị giá 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) của anh **Nguyễn Thành L** do ông **Đỗ Xuân T** đang quản lý nhưng **P** chưa điều khiển xe mô tô trên ra khỏi cổng trường thì bị phát hiện. Đến ngày 28/02/2026, **P** ra đầu thú.

Lời khai nhận này của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo **Trương Văn P** phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều

173 Bộ luật hình sự, như nội dung cáo trạng đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức, có đủ sức khỏe để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải bỏ sức lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ:*

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- *Về tình tiết tăng nặng:* Tái phạm (quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Anh **Nguyễn Thành L** đã được nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Ông **Đỗ Xuân T** không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.](#)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 15; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Trương Văn P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: bị cáo **Trương Văn P**: 10 (mười) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2026

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng \(hai trăm nghìn đồng\) án phí hình sự sơ thẩm .](#)

- Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Đồng Nai;
- Viện kiểm sát TP. Đồng Nai;
- Viện kiểm sát khu vực 1 – ĐN ;
- Công an TP. Đồng Nai;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trần Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhạn Nguyễn Thái Hoà

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán – chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 11 tháng 7 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung D và bà Trương Thị T1

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2018/TLST-HS
ngày 22 tháng 06 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

- **T (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1986; Nơi cư trú: **Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.**

- **Phan Trí H (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1999; Nơi cư trú: **Ấp L, xã T; thành phố B, tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Thạch T2** và **Phan Trí H** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2 Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.**

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Thạch T2**: tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Xử phạt bị cáo **Phan Trí H**: tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị **Phạm Thị Ngọc L1** xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha biển số 60U7-4138, được hai bị cáo **T2** và **H** sử dụng đi cướp giật tài sản, **H** khai mượn của một người tên **T3** (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa rõ chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.**

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP.Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:11/2018/HSST-QĐ

Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁴⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn C2** và bà **Nguyễn Thị N**

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại **Bùi Quốc T3** và người làm chứng **Phạm quốc C3** đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh **T3** và anh **C3** cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn P3** (Tên gọi khác: **H1**); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Nơi nhận:

- VKS TP.Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA